

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 26/02/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Diễm Anh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thuần và bà Huỳnh Thị Minh Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Lương Công Trứ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 362/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Thị Thu V, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: khu phố P1, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: thôn ĐB, xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Minh S, sinh năm 1984; Nơi cư trú: khu phố P1, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị Thu V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Minh S tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 9, thành phố T theo Giấy CNKH số 65 ngày 11/7/2008. Tuy Nền cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Anh S không chịu làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt rồi đánh vợ, thiếu quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng đã không còn sống chung, chị V về nhà cha mẹ ruột

sinh sống, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có hai con chung là Nguyễn NA, sinh ngày 26/10/2008 và Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 09/11/2016, hiện đang sống với anh S. Vì chị phải đi làm xa, không có điều kiện chăm sóc nên để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu, chị đề nghị giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- *Tại bản tự khai và biên bản lấy ý kiến ngày 28/01/2021, bị đơn Nguyễn Minh S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Huỳnh Thị Thu V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2008. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có Nền bất hoà, cãi vã nhưng anh không đánh vợ. Đến tháng 5 năm 2018 thì chị V về nhà cha mẹ ruột sinh sống, mặc dù anh đã Nền lần năn nỉ để vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Nay anh vẫn muốn hoà giải để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con chung, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Về con chung: có hai con chung là Nguyễn NA, sinh ngày 26/10/2008 và Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 09/11/2016, hiện đang sống với anh. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, chị V cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

+Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố P1, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Thu V và anh Nguyễn Minh S tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 9, thành phố T nên là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn như các đương sự trình bày và hiện tại vợ chồng đã không còn sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng bị đơn không tới tham gia các phiên hòa giải là không có thiện chí hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường 9, Công an phường 9 và Biên bản lấy ý kiến các con, đủ cơ sở xác định: Từ khi chị V và anh S không còn sống chung cho đến nay, các con do anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị V đi làm ăn xa nên thỉnh thoảng mới về thăm. Nguyên đơn, bị đơn đều có ý kiến giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con. Xét để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển bình thường của các cháu, HĐXX chấp nhận giao 02 con chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị V cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 03 năm 2021 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo

quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] **Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Huỳnh Thị Thu V được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

- Về con chung: giao 02 con chung là Nguyễn NA, sinh ngày 26/10/2008 và Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 09/11/2016 cho anh Nguyễn Minh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; chị Huỳnh Thị Thu V cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 03/2021 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Huỳnh Thị Thu V phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001623 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T nên còn phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND phường 9, Tp T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Diễm Anh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Minh Tuyết Lê Thị Thanh Thuận Lê Diễm Anh Trúc

Nơi nhận:

- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND phường 9, Tp T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Diễm Anh Trúc

